

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 (Nghị quyết số 02/NQ-CP), UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh theo hướng giảm chi phí tuân thủ, bảo đảm an toàn và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện phân cấp, phân quyền; thúc đẩy tinh thần kinh doanh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo; đồng thời, củng cố niềm tin, tạo điểm tựa cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển; qua đó nâng cao hơn nữa vị thế của tỉnh trong thời gian tới.

Tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thông thoáng, minh bạch, thân thiện để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đưa tỉnh phát triển toàn diện, vững chắc, giữ vững vị thế, hình ảnh Bắc Giang, phấn đấu nằm trong nhóm tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số PCI, đưa tỉnh trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

### 2. Yêu cầu

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên; trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2025.

Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nhằm hoàn thành các mục tiêu năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

Triển khai thực hiện Kế hoạch theo sự chỉ đạo, điều hành chặt chẽ, toàn diện của cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và người dân. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, của từng ngành, địa phương, đơn vị.

Trong tổ chức thực hiện phải chỉ đạo kiên quyết, bám sát nội dung của Kế hoạch và Nghị quyết, cụ thể, tránh hình thức; phải đặt ra yêu cầu có sự chuyên biệt từng khâu, bộ phận công việc, thủ tục; xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, có sự kết hợp nhịp nhàng đồng bộ, hiệu quả giữa các ngành, đơn vị đối với những công việc có liên quan.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tháo gỡ bất cập pháp lý trong thực hiện dự án đầu tư**

**a) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ban Quản lý các KCN tỉnh:**

Kịp thời nắm bắt những bất cập, vướng mắc trong thực hiện các văn bản pháp luật liên quan trong thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp như Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền nhằm kịp thời tháo gỡ các bất cập.

Tiếp tục thực hiện tốt quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022, tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác đầu tư; kiên quyết xử lý đối với những nhà đầu tư cố tình không thực hiện theo quy hoạch, xử lý thu hồi các dự án không triển khai, vi phạm các quy định của pháp luật. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nút thắt, đặc biệt là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

**b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN tỉnh:** Tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư đủ điều kiện thực hiện các thủ tục hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ. Đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thành tạo quỹ đất sạch KCN từ 200ha trở lên để thu hút đầu tư.

**c) Chi cục Hải quan quản lý các khu công nghiệp:** Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; tiếp cận, tuyên truyền, hỗ trợ thực hiện thủ tục hải quan; thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh làm thủ tục hải quan tại Chi cục, nắm bắt và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc bất cập trong quá trình làm thủ tục hải quan tại tỉnh.

**d) Các sở, ngành, UBND cấp huyện:**

Chủ động nghiên cứu, rà soát và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của

doanh nghiệp. Trên cơ sở rà soát xác định các quy định đã không còn phù hợp với thực tế khách quan, các quy định không hợp lý, các quy định không rõ ràng, cụ thể, các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, các quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì kiến nghị với UBND tỉnh giải quyết, đối với các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền của UBND tỉnh thì gửi kiến nghị tới các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup>. Thiết lập đường dây nóng và đơn vị thường trực để tiếp nhận, xử lý kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp. Định kỳ hàng quý rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai...

Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư, gắn kết khu công nghiệp với khu đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 371-NQ/TU ngày 11/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển một số ngành dịch vụ trọng tâm, giai đoạn 2024-2030. Trong đó, tập trung phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, trọng tâm là thúc đẩy triển khai các dự án lớn, trọng điểm, tạo sự chuyển dịch ngành dịch vụ.

Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo các ngành, địa phương với các doanh nghiệp để xử lý kịp thời những vướng mắc, bất cập, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch; kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thu hút đầu tư.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đánh giá sự phù hợp của các chương trình, dự án với các quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý và phương án phát triển ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt<sup>2</sup>.

## **2. Nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh**

Các sở, ngành, UBND cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng:

(i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, khó dự đoán và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng;

<sup>1</sup> Gồm: (i) Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các bộ, ngành và địa phương; (ii) các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; và (iii) Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính.

<sup>2</sup> Theo Công văn số 1608/UBND-TH ngày 15/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(ii) Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp;

(iii) Rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí nguồn lực của xã hội.

- Công bố đầy đủ các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa của các năm trước đây và thường xuyên cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tại các cơ quan, đơn vị mình.

- Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu của ngành về văn bản pháp luật để đảm bảo có tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin của ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình tra cứu, khai thác thông tin đến hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hoá nền hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số đánh giá cấp tỉnh (PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI, DTI...). Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị 26-CT/TU ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, thực hiện tốt phương châm “3 dám, 3 hơn, 5 rõ”<sup>3</sup>, kiên quyết xử lý, thay thế cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm yêu cầu chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm” xoá bỏ cơ chế “xin - cho”

### **3. Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá và triển khai hiệu quả Cổng thông tin một cửa quốc gia**

***a) Các sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công an, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch:***

Nghiên cứu, rà soát tham mưu, đề xuất kiến nghị với các bộ, ngành trung ương sửa đổi các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá

<sup>3</sup> 03 dám (dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung); 03 hơn (quyết liệt hơn, linh hoạt hơn, hiệu quả hơn); 05 rõ (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và rõ kết quả)

xuất nhập khẩu tại các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: (i) Áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hoá; phân biệt những vi phạm nhỏ mang tính hành chính, không ảnh hưởng đến giá trị và chất lượng của hàng hoá; (ii) Đơn giản hoá hồ sơ, quy trình, rút ngắn tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính; (iii) Bám sát các yêu cầu cải cách tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hoá nhập khẩu.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi hàng hóa thông quan, lưu thông trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan hải quan đối với hàng hoá sau thông quan; giảm thiểu kiểm tra đối với những doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt và không có lịch sử vi phạm các quy định pháp luật.

**b) Sở Y tế:** Tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dược, khám bệnh, chữa bệnh, an toàn thực phẩm... Đẩy mạnh áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của sở, nhất là các thủ tục đăng ký thuốc, kê khai giá thuốc, công bố và tự công bố thực phẩm. Tiếp tục duy trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh.

**c) Sở Khoa học và Công nghệ:** Rà soát, tổng hợp những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

**4. Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng quy định và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính**

**a) Các sở, ngành, UBND cấp huyện:**

Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ dịch vụ công và trong hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính. Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đảm bảo tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt trên 95%, tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý hoàn toàn trực tuyến đạt trên 70%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công

nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; nâng cấp, phát triển Cổng Dịch vụ công của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đáp ứng các chỉ tiêu, yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện TTHC; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC. Duy trì tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, cấp xã đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

**b) Công an tỉnh:** Vận hành có hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thường xuyên thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, bảo đảm dữ liệu dân cư chính xác trên địa bàn tỉnh, phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để phục vụ CCHC và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh sử dụng ứng dụng định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết các TTHC. Hỗ trợ các cơ quan hành chính trong việc sử dụng dữ liệu dân cư để đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm thời gian và chi phí cho người dân, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch.

**c) Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan triển khai hiệu quả Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 30/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2025 như:

Cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính các cấp; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để xây dựng, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Tiếp tục phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Duy trì, phát triển nền tảng giao tiếp số giữa Chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Duy trì, phát triển Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang phục vụ chuyển đổi số của các CQNN trên địa bàn tỉnh.

**d) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang:** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động ngân hàng để áp dụng các mô hình kinh doanh mới và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

## **5. Hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững**

### **a) Các sở, ngành, UBND cấp huyện:**

Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển, nhất là cơ chế chính sách thu hút nhà đầu tư lớn, phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững.

Rà soát, hoàn thiện các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, các nhà đầu tư thứ cấp với các quy định rõ ràng, chi tiết, bảo đảm tính công khai, minh bạch, để lựa chọn, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án lớn, dự án công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

**b) Sở Thông tin và Truyền thông:** Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mà địa phương được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

**c) Sở Công Thương:** Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 theo hướng xây dựng “*Hệ sinh thái công nghiệp bền vững*”.

**d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 07/10/2022 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**e) Sở Khoa học và Công nghệ:** Phát triển phong trào đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể. Tập trung triển

khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch triển khai Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đẩy mạnh các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2030... Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư.

## **6. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh**

**a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...

### **b) Sở Công Thương:**

Tuyên truyền và nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Triển khai sâu rộng các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong tỉnh. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên gắn kết cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước với cơ quan thương vụ các nước.

Kịp thời cập nhật, tuyên truyền, phổ biến về các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại trong thương mại quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp chủ động nắm bắt, ứng phó kịp thời các vụ việc phòng vệ thương mại do nước. Phối hợp với cơ quan trung ương để hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động nắm bắt, ứng phó kịp thời với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu.

Chủ động cập nhật thông tin về ngành hàng, thị trường, quy định, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu của các nước và các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác. Thực hiện hỗ trợ miễn phí các thông tin này cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**c) Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện:** Đẩy mạnh công tác hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

**d) Sở Tư pháp:** Cơ quan đầu mối, giúp Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp được giao tại Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030” theo Quyết



định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch triển khai các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2025, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định

***e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:*** Phối hợp các sở, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong lĩnh vực công nghệ cao, trong đó tập trung triển khai hiệu quả Đề án “*Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050*”, Đề án “*Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao*”.

***f) Các tổ chức Hội doanh nghiệp***

Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực,... tương ứng với các nhiệm vụ được giao trong các văn bản pháp luật có liên quan

Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tiếp tục tiến hành khảo sát và công bố thường niên chỉ số DDCI hằng năm.

**7. Công tác thanh tra, kiểm tra**

***a) Các sở, ngành, địa phương:*** Thực hiện rà soát kế hoạch thanh tra và điều chỉnh trong trường hợp thấy cần thiết để đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra giữa các sở, ngành, địa phương; không làm cản trở hoạt động của doanh nghiệp.

***b) Thanh tra tỉnh:*** Theo dõi chặt chẽ các cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2025 đã được phê duyệt; không để xảy ra chồng chéo trong hoạt động thanh tra doanh nghiệp; không thanh tra doanh nghiệp quá 01 lần/năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn:**

Trước ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch về triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP thường kỳ 06 tháng và 01 năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ theo quy định.

**2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP thường kỳ 06 tháng và 01 năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ theo quy định.**

**3.** Đề nghị các tổ chức Hội doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội theo dõi, đánh giá độc lập, thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch này.

**4.** Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang chủ động hỗ trợ các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Kế hoạch và Nghị quyết sâu rộng trong các ngành, các cấp và đến người dân, doanh nghiệp.

**5.** Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương);
- Phòng TM&CN Việt Nam (VCCI);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang ;
- UB MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Các hiệp hội, hội cấp tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Việt Oanh**

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,**  
**QUY ĐỊNH KINH DOANH NĂM 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số      /KH-UBND ngày      /01/2025 của UBND tỉnh )*

| STT | Chỉ tiêu                                                                                   | Đơn vị | Chỉ tiêu năm 2025 | Cơ quan chủ trì thực hiện                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|--------------------------------------------------|
| 1   | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử                                    | %      | 100               | Các sở, ngành;<br>UBND cấp huyện,<br>UBND cấp xã |
| 2   | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá                                     | %      | 100               | Các sở, ngành;<br>UBND cấp huyện,<br>UBND cấp xã |
| 3   | Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn                                                   | %      | 100               | Các sở, ngành;<br>UBND cấp huyện,<br>UBND cấp xã |
| 4   | Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp | %      | Tối thiểu 90      | Các sở, ngành;<br>UBND cấp huyện,<br>UBND cấp xã |